

**Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương****Tập 2****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Minh Tâm**

Xin mời giảng nghĩa, “chứng liễu nghĩa, hoạch nhị thắng, phát tam dụng”. Đây là giải thích “tu chứng liễu nghĩa”. Ở trước chúng ta nói về tu, đây là công phu tu hành. Công phu đạt đến tiêu chuẩn nhất định, nó sẽ khởi tác dụng, nghĩa là những gì nói trong điều này, họ nhất định đạt được hai loại thù thắng.

Loại thù thắng thứ nhất là “trên với Chư Phật đồng nhất từ lực”. Từ là đại từ đại bi, lực dụng của từ bi không thể nghĩ bàn, đương nhiên tác dụng lớn nhất của nó là cứu hộ tất cả chúng sanh. Đối với chính mình mà nói, có thể trừ tất cả tai họa. Loại năng lực thứ hai là “dưới với chúng sanh đồng nhất bi nguyện”. Nói một điều ở trên, một điều ở dưới. Nói cách khác, năng lực của họ và tất cả hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, tự nhiên có thể cảm ứng đạo giao.

Chúng ta thường thấy cảm ứng không thể nghĩ bàn của Phật Bồ Tát, sức mạnh này từ đâu mà có? Chúng ta đọc Kinh Lăng Nghiêm sẽ biết, năng lực này có được từ “chứng liễu nghĩa”. Tuy nói được, nhưng thực tế là năng lực vốn đầy đủ trong tự tánh, chẳng qua do công phu tu chứng hiển phát mà thôi. Đức Phật dạy rằng, năng lực này mỗi chúng ta đều có, nhưng vì mê mất tự tánh, tuy có đức năng này, nó không khởi tác dụng. Do đó, tánh đức cần phải nương vào tu đức để hiển bày, nếu không có tu đức, tuy có tánh đức nó không khởi tác dụng.

“Phát tam dụng”, đây cũng là đưa ra một ví dụ, ba loại này là tác dụng thù thắng nhất. Thứ nhất là “32 ứng”, gọi là “32 ứng”, 32 là nói về chủng loại, 32 loại lớn. Trong mỗi loại nói không cùng tận, vô lượng vô biên. Hàng phàm phu thường có quan niệm sai lầm, cho rằng Phật Bồ Tát đều có một tướng mạo nhất định, thật ra là sai. Có người hỏi, Bồ Tát Quan Âm rốt cuộc là nam hay nữ? Là người Trung quốc hay người Ấn độ? Phàm những ai hỏi như vậy, có thể nói là hoàn toàn không hiểu Phật pháp. Thật sự chứng được tu chứng liễu nghĩa, không có tướng mạo để nói, vì sao vậy? Vì họ có thể tùy loại hóa thân, quý vị thích tướng như thế nào, họ liền hiện tướng đó. Phật Bồ Tát không có tâm, không có tâm nghĩa là không có vọng tâm, không có vọng niệm, không có phân biệt, không có chấp trước, họ mới có thể “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”. Chúng sanh này thích Phật như thế nào, ngài liền hiện như thế, đây là 32 ứng. Như trong kinh nói: “người đáng dùng thân Phật để được độ”, người này thích thân Phật, ngài liền “hiện thân Phật nói pháp cho họ”, nói pháp cho họ tức là hiện thân tướng Phật đến dạy họ. Họ thích Bồ Tát, chính là người đáng dùng thân Bồ Tát để độ, liền hiện thân Bồ Tát mà

nói pháp cho họ. Ta thích thân tướng gì, họ sẽ hiện thân như thế, họ đâu có thân? Không có thân, đây là nói thật với chúng ta. Vì thế họ có thể tận hư không biến pháp giới, không những hiện vô số thân ở nhân gian, trên thiên giới họ cũng hiện thân. Trong đường súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, họ hiện thân đồng loại với tất cả hữu tình chúng sanh. Họ có năng lực này, tác dụng này.

Chư vị phải biết, tác dụng này, Đức Phật nói mỗi người đều có, mỗi người đều có thể biến hóa vô lượng vô biên thân, đều có năng lực này. Bây giờ chúng ta đánh mất năng lực này, do ta làm mê mất tự tánh. Chỉ cần giác ngộ, năng lực này liền hiện tiền. Tâm giác là bất động, tâm giác là thanh tịnh, tâm giác là quang minh. Trong tâm có vọng niệm, có ý niệm lên xuống, có dao động, đây đều là mê hoặc điên đảo, chúng ta nhất định chú ý điều này.

Thực tế mà nói, tu hành Phật pháp, bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, then chốt tu hành đều là thiền định. Cũng chính là chúng ta nói tâm thanh tịnh, Phật dạy chúng sanh tu tâm thanh tịnh, chỉ cần được tâm thanh tịnh, năng lực trí tuệ liền hiện tiền.

Tác dụng thứ hai là “thập tứ vô úy”, đây là 14 loại. “Vô úy” là xuất xứ của năng lực, trong bất kỳ trường hợp nào họ không có sợ hãi. 14 loại, bao gồm đối với năng lực thông đạt thấu triệt tất cả pháp thế xuất thế gian. Pháp nào ta không hiểu không thấu triệt, khi người ta hỏi không biết phải làm sao, như vậy mới có sợ hãi. Mọi thứ đều thông đạt, mọi thứ đều rõ ràng, vậy thì sợ gì nữa.

Trong kinh Phật chúng ta thấy, đưa ra vấn đề thỉnh giáo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bất kỳ vấn đề nào cũng có, quả thật không có ai làm khó được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà đại học vấn. Có một số người nói, nhà đại học vấn, đại khái là không biết đến những điều nhỏ nhặt. Có người đến thỉnh giáo ngài về mục ngưu, giữ trâu bò như thế nào? Kinh Phật có Kinh Mục Ngưu, ngài dạy chúng ta giữ trâu bò phải chú ý đến những gì, giữ trâu bò như thế nào, những điều này không làm khó được ngài. Như các loại này chính là được đại vô úy, họ mới có thể giáo hóa cửu giới chúng sanh.

Còn có một loại năng lực nữa là “tứ bất tư nghị”, có bốn loại không thể nghĩ bàn, đây đều là đưa ra ví dụ mà nói. Thật sự tu chứng đến trình độ tương đối, chứng được liễu nghĩa, năng lực thù thắng này sẽ hiển bày, điều này không cần cầu, tự nhiên đến.

“Dụng căn bất dụng thức, đặc tuyển nhĩ căn, vi liễu nghĩa trung chi liễu nghĩa, nhất tu nhất thiết tu, nhất chứng nhất thiết chứng”. Trên nguyên lý mà nói “tu chứng liễu nghĩa”, là bất kỳ pháp môn nào cũng làm được, đây là nói từ lý. Nếu nói từ sự, vì tất cả chúng sanh căn tánh khác nhau, không phải phương pháp có khó dễ, là do căn tánh chúng ta bất đồng. Có một số người thích hợp tu pháp môn này, có một số người thích hợp tu pháp môn kia.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, quy nạp rất nhiều pháp môn thành 25 loại lớn, trong mỗi loại còn có thể mở ra rất nhiều loại, đây là 25 loại lớn. Bồ Tát Văn Thù quan sát căn tánh chúng sanh ở thế gian này, nói rõ chúng sanh thế gian này, đương nhiên là chỉ cõi người, không chỉ các cõi khác, đặc biệt chỉ cõi người. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện tại nhân gian, thuyết pháp cho “con người” chúng ta.

Người ở thế giới này, trong sáu căn thì nhĩ căn sắc bén nhất. Bảo ta xem, xem không rõ ràng, nhưng nghe rất rõ ràng. Vì thế khi Đức Thế Tôn còn tại thế, suốt 49 năm giảng kinh thuyết pháp, đều “lấy âm thanh làm Phật sự”. Đối tượng của âm thanh là “nhĩ căn”, họ vừa nghe liền khai ngộ chứ không phải thấy. Thấy, đương nhiên cũng khai ngộ, số ít không phải số nhiều, đa số nhĩ căn sắc bén nhất.

Cũng như vậy, vào thời Xuân Thu, Khổng phu tử một đời dạy học, giống như Thế Tôn vậy, đều là lấy âm thanh làm giáo thể, cũng đều là dạy học. Đương thời không có viết văn chương, không có trước tác, đều là nói bằng miệng, nghe bằng tai, lấy nó làm chủ. Điều này chứng minh thế gian này, tuyệt đại đa số quả thật là nhĩ căn sắc bén nhất. Do đó khi chọn pháp môn, Bồ Tát Văn Thù dạy chúng ta “dùng căn không dùng thức”. Dùng căn không dùng thức, phạm vi này vẫn rất lớn, sáu căn, sáu thức. Không dùng sáu thức, dùng sáu căn, trong sáu căn đặc biệt chọn nhĩ căn. Đặc biệt chọn nhĩ căn làm liễu nghĩa trong liễu nghĩa, như vậy thích hợp với căn cơ của chúng sanh ở đây nhất. Nhĩ căn là một căn, dùng một căn tu là tất cả tu, gọi là “nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp”. Chỉ cần một căn thông, các căn khác hoàn toàn quán thông. Do đây có thể biết, chư vị cổ đức xưa nay thường dạy chúng ta, giáo môn thường nói: “một kinh thông, tất cả kinh đều thông”, cùng một đạo lý. Chúng ta lại hỏi, nếu thật sự thông một kinh, học thuật thế gian có thông chăng? Nói cho chư vị biết, cũng thông suốt. Vì sao thông? Thông đạt là thông liễu nghĩa, không phải thông gì khác, vì thế pháp thế xuất thế gian không có pháp nào không thông đạt. Bây giờ chính là hỏi quý vị có tin hay không? Người xưa tốt hơn người chúng ta hiện nay, tốt ở đâu? Thật thà, đối với lời của thầy tin sâu không nghi ngờ, vì thế quả thật làm được tôn sư trọng đạo. Tôn sư, đối với lời của thầy thật sự không nghi hoặc, y giáo phụng hành.

Điều mà người bây giờ không như cổ nhân, chính là đối với lời của bất kỳ ai họ đều đặt một dấu chấm hỏi, đối với thầy cũng không ngoại lệ, đều đặt dấu chấm hỏi. Do đó người hiện đại suốt đời truy cầu đạt được là trí thức, không phải trí tuệ. Cổ nhân tu được là trí tuệ, không phải trí thức. Trí tuệ có thể bao gồm toàn bộ trí thức, trí thức không thể bao gồm trí tuệ, trong này có khác biệt rất lớn.

Nếu chư vị không tin, trong kinh điển mọi người đều biết là Lục Tổ Đàn Kinh, theo sự truyền bá của Thiền tông, không ai không biết Đàn Kinh. Quý

vị đọc kỹ Đàn Kinh, quan sát lục tổ Huệ Năng, không được học hành không biết chữ. Sau khi ngài khai ngộ, pháp thể xuất thế gian không có gì không thông đạt, trong Đàn Kinh quý vị có thể nhận ra điều này. Không những vấn đề thời hiện đại ngài đều thông đạt, mà quá khứ vị lai ngài cũng biết. Quý vị muốn hỏi ngài, năng lực này của ngài từ đâu mà có? Chính là “một tu tất cả tu, một chứng tất cả chứng”, là từ đây mà có.

Trong chương này, chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông, phương pháp của ngài là dùng “đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, ngài dùng phương pháp này. Cũng chính là thường nói chân thành niệm Phật, dùng phương pháp này để tu liễu nghĩa trong liễu nghĩa, tịnh niệm tương tục cũng là liễu nghĩa trong liễu nghĩa.

Pháp môn này là “tùng tánh khởi tu, phi sự tướng chi nhiễm tu, phi tâm thành chi thật chứng”. Chứng này không giống với chứng của pháp môn thông đồ, chứng của pháp môn thông đồ là chứng từng giai đoạn từng giai đoạn, không phải viên chứng, không phải đốn chứng, phương pháp này không có giai đoạn, một chứng tất cả chứng, một tu tất cả tu. Vì sao vậy? Vì nó là “tùng tánh khởi tu”.

Nhĩ căn đối với nhĩ thức mà nói, bây giờ họ không dùng thức, không dùng thức vậy nhĩ là gì? Là tánh trong nhĩ căn, chúng ta gọi là tánh nghe, nơi mắt gọi là tánh thấy, nơi tai gọi là tánh nghe, đây là nói “xả thức dùng căn”. Chúng ta dùng tánh thấy thấy sắc, không gọi là sắc trần, gọi là sắc tánh. Ta dùng tánh nghe nghe âm thanh, không gọi là thanh trần, gọi là thanh tánh. Nhà thiền gọi là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Bây giờ xuất hiện vấn đề khó khăn, hai loại tánh nghe và nhĩ thức khác nhau ở đâu? Trước tiên chúng ta cần hiểu rõ vấn đề này, sau đó mới muốn học.

Trong kinh luận Duy thức nói với chúng ta rất rõ ràng, tác dụng của đệ lục ý thức là phân biệt, tác dụng của đệ thất thức là chấp trước, tác dụng của thức thứ tám, nói như hiện nay gọi là ký ức, trong kinh Phật gọi là hàm chứa chủng tử. Bây giờ trong kinh này Đức Phật dạy, phải xả bỏ thức không dùng nó, dùng tánh trong căn, tánh và thức không giống nhau. “Tánh” không phân biệt, không chấp trước, không để lại ấn tượng. Ví như một chiếc gương vậy, chiếc gương soi đồ vật một cách rõ ràng minh bạch, nó tuyệt đối không để lại ấn tượng. Dùng “thức”, giống như ta dùng film của máy chụp hình vậy, nó để lại ấn tượng. Nói cách khác, nó có phân biệt, có chấp trước, để lại ấn tượng. Do đây có thể biết, gọi là “xả thức dùng căn”, chính là dạy chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, tất cả đều đừng phân biệt, đừng chấp trước, không để lại ấn tượng, vậy là được. Chư vị phải biết, là tất cả phân biệt chấp trước, không còn để lại ấn tượng, vạn pháp tuyệt đối bình đẳng, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng cũng hiện tiền. Vì sao pháp thể gian không bình đẳng? Vì ta có phân biệt chấp trước, cho nên mới không

bình đẳng. Là hết thấy vọng tưởng phân biệt chấp trước, vạn pháp nhất như, tâm này mới thật sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh gọi là “liễu nghĩa”.

Ngày nay chúng ta không dùng phương pháp của Bồ Tát Quan Thế Âm, mà áp dụng phương của Bồ Tát Đại Thế Chí. Nhưng phương pháp của Bồ Tát Đại Thế Chí, vẫn không tách rời phương pháp của Bồ Tát Quan Thế Âm. Cho nên cổ nhân dạy chúng ta niệm Phật, niệm Phật như thế nào? Phật hiệu sanh ra từ trong tâm, niệm ra từ miệng, tai lại nghe vào. Quý vị xem, nó có liên quan với nhĩ căn viên thông chăng? Họ dùng nhĩ căn để nghe. Phương pháp này niệm rất dễ nhiếp tâm, cũng chính là Bồ Tát Đại Thế Chí nói “đô nhiếp lục căn”. Ngài dùng phương pháp này để đô nhiếp lục căn, đạt đến mục tiêu “tịnh niệm tương tục”. Nếu thành tựu được tịnh niệm tương tục, đó chính là “niệm Phật tam muội”. Công phu cạn gọi là thành phỉến, công phu sâu gọi là nhất tâm bất loạn. Do đây có thể biết, chương Bồ Tát Đại Thế Chí này là kiêm cả công phu nhĩ căn viên thông trong đó.

Cho nên đây không phải là nhiệm tu từ trên sự tướng, nó đích thực là “xưng tánh khởi tu”, câu A Di Đà Phật này là danh hiệu của tánh đức.

Đoạn này nói “tức diệu tam ma địa, cho nên gọi là liễu nghĩa”. Ở trước nói diệu Sa ma tha, ở đây nói “diệu tam ma địa”. Sa ma tha, tam ma địa đều là danh từ của thiền định, nó nghiêng nặng về “quán”, sa ma tha nghiêng nặng về “định”, gọi là “chỉ”, cũng chính là ở trước gọi là căn bản trí, điều này nghiêng nặng về hậu đắc trí. Hậu đắc trí là vô sở bất trí, nhất định phải được hậu đắc trí trước, trước tiên chân tâm thật sự thanh tịnh. Thanh tịnh đến mức độ nhất định, tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là chiếu kiến. Đến khi chiếu kiến là vô sở bất trí.

Xem tiếp đoạn bên dưới, đoạn thứ năm: “Chư Bồ Tát vạn hạnh”, chữ này đọc khứ thanh, chữ “hạnh” này là chữ phá âm, nó có nhiều cách đọc, nhưng âm đọc khác nhau, ý nghĩa cũng khác nhau. Chúng ta đọc khứ thanh là làm động từ, nói như hành động, vì thế nó không phải danh từ, nó là động từ. Đây là “duyên nhân trợ tu”, trong tam nhân Phật tánh thuộc về “duyên nhân”. Duyên là tăng thượng duyên. Như trong kinh điển đại thừa nói lục độ vạn hạnh, giúp chúng ta huân tập, giúp chúng ta phát minh tâm tánh.

“Phân chứng chư thánh, lịch vị sở tu, hành ứng vô lượng”. “Phân chứng” là nói một số người tu hành trong pháp môn đại thừa, họ tu theo thứ tự, dần dần nâng cao cảnh giới. Nói đến hành môn, quả thật là rất nhiều, như trong tứ hoằng thệ nguyện nói “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, chính là ý này.

Những vị thứ trải qua, bên dưới đưa ra một ví dụ, như thập tín, toàn căn lực mà trồng hạt giống Phật. Bồ Tát thập tín vị, thập tín, trong viên giáo nói, họ không có địa vị, ví như đi học trong trường, trung học trở về trước không có học vị, thập tín không có học vị. Vì sao không có học vị? Vì họ lúc tiến lúc thoái, nói cách khác họ không được ổn định. Tu học thành công, bảo toàn

“căn lực” của họ, căn lực này trong Kinh Di Đà gọi là ngũ căn, ngũ lực, tín, tấn, niệm, định, tuệ, không bị thoái chuyển, không bị mất đi. “Mà trồng chủng tử Phật”, đây là căn bản của Phật pháp, là cơ sở của Phật pháp, phải tu học từ đây.

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn của đại thừa viên đốn không thể nghĩ bàn, cổ đức gọi là “liễu nghĩa trong liễu nghĩa”, vì thế họ phải có tín căn sâu dày. Ba điều kiện trong Kinh Di Đà là tín nguyện hạnh, vì thế tín căn của họ kiên cố nhất, thanh tịnh nhất. Như vậy mới có thể trong thời gian ngắn ngủi, thành tựu công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn. Phạm không đủ tín tâm, chỉ có thể nói trồng chút ít thiện căn trong Phật pháp, đời này không thể thành tựu, bởi vậy tín căn rất quan trọng.

Trên thập tín là thập trụ Bồ Tát, thập trụ trong đại thừa nói họ có học vị, họ chứng được tam bất thoái. Ba loại bất thoái, trong Phật pháp đại thừa, sơ trụ Bồ Tát đều chứng được. “Sanh vào nhà Phật mà thành đệ tử Phật”, đây là đệ tử chơn chánh của Phật. Vì thế họ “trụ”, trụ này nói chính là họ tuyệt đối không thoái chuyển, nhất định không thoái lui.

Tiến thêm một bước, Bồ Tát thập hạnh vị, “quảng lục độ mà hành Phật sự”. Đây mới là tu hành chơn chánh, toàn tâm toàn lực tu lục độ vạn hạnh. Vì sao phải tu lục độ? Mục đích là để đào thải tập khí từ vô thủy kiếp đến nay của mình, cho nên họ cần tinh tấn tu học trong thời gian dài, tập khí này mới hoàn toàn đoạn tận, họ vì điều này. Như “bồ thí”, bồ thí là đoạn tập khí xan tham của mình. Xan là keo kiệt, tham là tham ái, bồ thí là đoạn những thứ này, không vì điều gì khác. Trong kinh điển đại thừa nói lục độ viên mãn, nếu lục độ nói thí xả, bồ thí cho người, vậy thì vĩnh viễn không có lúc nào viên mãn. Là bản thân thật sự đoạn tận tập khí tham ái keo kiệt, nói từ chỗ này. Chư vị Bồ Tát tu học khi nào viên mãn? Điều này không nhất định, cũng không thể hỏi người khác, phải hỏi bản thân mình. Có người đồng mãnh tinh tấn, rất nhanh chóng viên mãn. Có người viên mãn rất chậm, rất khó đoạn tận tập khí. Trì giới đoạn ác nghiệp, đoạn tập khí tạo ác, ý niệm ác, hành vi ác.

Lục độ là đoạn tập khí xấu từ vô thủy kiếp đến nay của chúng ta, những tập khí này đều là ô nhiễm, ô nhiễm trong tâm tánh. Nếu không rửa sạch nó, tâm tánh của ta không thể hiển lộ ra.

Thập hồi hướng, hồi Phật sự mà hướng Phật tâm, trong kinh điển thường nói về ba loại hồi hướng. “Hồi hướng thực tế”, thực tế tức ở đây gọi là “Phật tâm”. Chư vị phải biết, “Phật tâm” không phải tâm của Phật bên ngoài, mà là Phật tâm của chính mình, cần phải biết điều này, cũng chính là Phật tánh của chính mình. Tất cả sự tu tập của mình, vì điều gì? Vì mình tâm kiến tánh, vì hiển phát tự tánh. Như Phật pháp đại thừa thường nói, tánh thể, tánh đức của mình, tác dụng của tánh, cũng gọi là tánh lượng. Gọi tâm lượng mọi người dễ hiểu, tâm lượng và tánh lượng cùng một ý, chính là độ lượng của chân tâm. Tác dụng của nó là vì điều này, đây là hồi hướng thực tế.

“Hồi hướng bồ đề”, bồ đề là đại giác, nghĩa là vô sở bất tri, vô sở bất năng.

Thứ ba là “hồi hướng chúng sanh”, hồi hướng chúng sanh tức là mình thật sự có nguyện, muốn giúp tất cả chúng sanh tu chứng viên mãn Phật đạo.

“Tứ gia hạnh”, đây là chỗ khác nhau giữa Kinh Lăng Nghiêm và các kinh điển khác, các kinh điển khác không nói đến Tứ gia hạnh, chỉ có Lăng Nghiêm trong tam hiền Bồ Tát tu viên mãn, lại có thêm tứ gia hạnh. Từ tứ gia hạnh tiếp tục “đăng địa”, điều này nói tường tận hơn các kinh khác. Tứ gia hạnh tổng cộng có bốn phương pháp tu học, mục đích của nó là “mẫn tâm Phật nhi diệt số lượng”, mục đích của nó là đây. Câu này cần phải lãnh hội tường tận, dùng cách nói dễ hiểu nhất, chính là khiến tâm địa mình đạt đến thanh tịnh thật sự. Nếu ta còn có “tâm Phật”, trong tâm vẫn còn số lượng, tức tâm ta chưa đủ thanh tịnh. Cũng là lục tổ Huệ Năng nói: “Bỏ lai vô nhất vật, hà xứ nhà trần ai”. Ta có Phật tức còn có nhất vật, ta có số lượng cũng có nhất vật. Chỉ cần có ý niệm này, là có nhất vật. Nói cách khác, diệt trừ hết thấy ý niệm, như vậy mới thật sự thanh tịnh, cho nên họ mới có thể đăng địa.

Đăng địa, “thập địa, khế chân như nhi phục niết bàn”. Chân như tức là chân tánh, chân tánh mới thật sự có thể hiển lộ ra. “Niết bàn” là tiếng phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là bất sanh bất diệt, trong Kinh Lăng Nghiêm thường nói đây là “chân tâm thường trú” hiện tiền.

“Đăng giác, tề Phật tế nhi phá sanh tướng”, Đăng giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Lúc này phá nhất phẩm sanh tướng, liền đến diệu giác vị, tu học sẽ viên mãn. Nói cách khác, tự tánh của ta hoàn toàn hiển lộ, không hề có chút chướng ngại nào. Ở địa vị này chúng ta gọi là thành Phật.

“Viên đôn hành nhân, công nghiệp duy tại sơ tâm”. “Sơ tâm” chính là sơ phát tâm, “công” là công phu, “nghiệp” là hành nghiệp. Công phu của mình, hành nghiệp của mình, đều ở nơi sơ phát tâm. Cho nên nói sơ phát tâm tức thành Phật đạo, phải chăng là thật sự thành Phật đạo? Về lý mà nói đích thực như vậy. Về sự mà nói, ta vẫn chưa đoạn tận tập khí phiền não.

Cần huệ trở về sau, tức nhậm vận lưu nhập vào biển diệu trang nghiêm của Như Lai. “Cần huệ địa”, trong Kinh Lăng Nghiêm cũng có một địa vị như vậy, sau “tam tiệm thứ” có cần huệ địa, tam tiệm thứ sau này sẽ nói đến. Cần là ví dụ, trong Phật pháp ví tham ái như nước, ví sân nhuế như lửa. Khi nào tham sân đều đoạn tận, thật sự không còn, khô nước ái, trí tuệ liền hiện tiền. “Cần huệ” chính là ý này. Thất tình ngũ dục, đây đều gọi là tham ái. Đến tập khí này đều không còn, đây mới gọi là “cần huệ”. Trong pháp môn đại thừa thường gọi nhân không, pháp không. Ở trước nói tu liễu nghĩa, giải lục kết, viết tam không, nhân không, pháp không, câu không, không diệc không, đây là “cần huệ”, đây mới gọi là cần huệ địa. Nhưng họ vẫn chưa phá vô minh, nếu phá thêm một phẩm vô minh, họ là sơ trụ Bồ Tát. Do đây có thể biết, cần

huệ địa ở đâu? Ở trong thập tín và sơ trụ. Thập tín vị mãn vẫn chưa chứng đến sơ trụ, lúc này gọi là càn địa. Tiến thêm một bước nữa, phá nhất phẩm vô minh, họ liền nhập sơ trụ, nhập sơ trụ chính là pháp thân đại sĩ. Phá nhất phẩm vô minh, chứng nhất phần pháp thân. Về sau họ liền “nhập vận”, nhập vận chính là tự nhiên, họ tương ứng với pháp tánh.

“Biển diệu trang nghiêm của Như Lai” chính là chân như pháp tánh, họ tương ứng với chân như pháp tánh, lúc này tuyệt đối không thoái chuyển. Trong kinh điển này chính là “tức diệu thiên na”, thiên na là chỉ quán đều vận, trong đó có chỉ có quán, đây gọi là “thiên”. Trong kinh này A nan đưa ra ba danh từ, sa ma tha, tam ma địa, thiên na. Trong kinh này Đức Phật nói rất thấu triệt, trong đề kinh cũng biểu thị rất rõ ràng, đây là nội dung trong một bộ kinh, là nói những điều này.

Thủ Lăng Nghiêm, đây là quả, ba loại định ngài A nan nói, thực tế mà nói ba loại định này là ba giai đoạn tu học, không phải là cứu cánh viên mãn. Đại định cứu cánh viên mãn, A nan không biết, bình thường A nan chỉ biết có sa ma tha, tam ma địa, thiên na, vì thế ngài nói ra tất cả. Lúc này Phật mới nói với ngài, ngoài ba loại định này ra còn có đại định viên mãn, tên định đó gọi là Thủ Lăng Nghiêm, lúc này mới nói ra cho ngài biết. Thủ Lăng Nghiêm là Như Lai quả địa chứng được, ba loại trước đều là Bồ Tát chứng được. Như sa ma tha, A nan có thể chứng được, Bồ Tát lúc này mới có tam ma địa và thiên na.

“Diệu quả cứu cánh”, cứu là cứu cánh, chứng được cứu cánh viên mãn. “Đại định chi tổng danh viên hàm thượng tam, vì nhất định chi toàn thể”. Có thể thấy, ở trước tuy có định, nhưng định không sâu, định không rốt ráo, đến định Thủ Lăng Nghiêm mới sâu, mới thật sự cứu cánh.

Xem tiếp chú giải bên dưới: “Phật tự nói rằng, tất cả mọi việc cứu cánh kiên cố”. Đức Phật nói rõ về Thủ Lăng Nghiêm, ngài nói một cách đơn giản, cũng nói rất rõ ràng, “tất cả mọi việc cứu cánh viên mãn”. Chúng ta thử nghĩ xem, vấn đề gì có thể cứu cánh kiên cố? Muôn sự muôn pháp của thế xuất thế gian đều có thay đổi, đều có biến hóa, mặc dù là thế giới tây phương Cực Lạc cũng không ngoại lệ, chư vị phải biết điều này.

Loại nào mới thật sự cứu cánh kiên cố? Cứu cánh kiên cố chính là chân tâm mình, là bản tánh của mình, nó mới là cứu cánh kiên cố, nó vĩnh viễn không thay đổi, vĩnh viễn không hư hoại. Vì sao nói tất cả hiện tượng không cứu cánh kiên cố? Vì hiện tượng là nó biến hóa ra, nó sở biến, sở biến đều không kiên cố, năng biến mới kiên cố. Tự tánh là năng biến, vạn pháp là sở biến, thế giới tây phương Cực Lạc cũng là vật do tự tánh biến hiện. Chúng ta nhất định phải biết chân tướng sự thật này, sau đó đối với sự tu chứng mới không đến nỗi mê hoặc, điều này rất quan trọng.

“Cổ đức nương vào đây”, là nương vào giải thích của Thế Tôn, nói rõ nó có thể trong suốt cùng cực, nguồn gốc bốn nguyên của các pháp. Nguồn gốc

bốn nguyên của các pháp, chính là người hiện đại của chúng ta, các nhà khoa học, nhà khoa học hiện nay đều đang thảo luận nghiên cứu, vũ trụ này từ đâu đến? Sanh mạng khởi nguồn từ đâu? Tìm nguồn gốc của nó. Vũ trụ hình thành như thế nào? Sanh ra như thế nào? Từ đâu sanh ra? Đây đúng là vấn đề lớn. Hiện nay giới khoa học, giới triết học trên toàn thế giới vẫn chưa tìm ra đáp án, vẫn chưa nhìn thấy. Chúng ta muốn hỏi, họ có cách nào tìm được chăng? Nói cho chư vị biết, không có cách, vì sao vậy? Giả như người thế gian có năng lực tìm ra nguồn gốc này, vậy thì Phật không cần đến thế gian này nữa, đến làm gì? Quý vị đều có năng lực giải quyết, hà tất cần ta đến. Sở dĩ Phật xuất hiện ở thế gian, chính là quý vị đã phát hiện được vấn đề này, nhưng không có biện pháp giải quyết. Đức Phật thấy không ai giải quyết, vì thế không đến không được, không đến có lỗi với mọi người, ngài đến để giải quyết vấn đề này cho chúng ta.

“Pháp pháp vô phi thật tướng”, đây chính là nói rõ về chân tướng của nhân sinh vũ trụ. “Cầu ư khứ lai sanh diệt liễu bất khả đắc”, đây mới gọi là chân tướng. Nhưng đã nói ra chân tướng này cho chúng ta biết, ta nghe xong trái lại không hiểu. Còn khi nói giả, ta vừa nghe là hiểu ngay, nghe rất lọt tai. Nói thật ngược lại nghe không hiểu, không thể tiếp thu, đây là nói thật.

Ta tìm tất cả vạn pháp trong đó, quá khứ, hiện tại, vị lai, tìm xem nó sanh như thế nào? Diệt như thế nào? Thực tế thì “liễu bất khả đắc”. Liễu bất khả đắc, nhất định ta cầu được đáp án trong đó, ta đến đâu để tìm? Những hiện tượng trước mắt rớt cuộc là sao? Lăng Nghiêm đúng là một bộ đại kinh khai trí tuệ, mọi hiện tượng Phật nói là “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, đây là nói thật với chúng ta.

Mọi hiện tượng sanh ra như thế nào? Từ tâm tưởng sanh. Trong tâm không nghĩ gì cả, vạn pháp sẽ không còn. Trong Chứng Đạo Ca đại sư Vĩnh Gia nói: “Giác hậu không không vô đại thiên”. Giác là gì? Không có ý niệm, ý niệm không còn tức không không, đại thiên thế giới không còn, giống như giấc mộng vậy, tỉnh dậy, tỉnh dậy không còn gì cả. “Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên. Luân hồi lục đạo sâm la vạn tượng, đây là đang nằm mộng, cảnh giới trong mộng, sau khi thức dậy không còn nữa. Đại thiên thế giới không còn, luân hồi lục đạo cũng không còn, tất cả vạn tượng đều không còn. Do đây có thể biết, sâm la vạn tượng là từ tâm tưởng sanh. Ta dùng tâm tưởng để tìm căn nguyên của tâm tưởng sanh, đến đâu để tìm? Không tìm thấy. Phương thức gì mới biết được? Ta phải diệt trừ tâm tưởng, chân tướng sự thật hoàn toàn hiển lộ, lúc này mới bỗng nhiên đại ngộ. Cho nên nói tâm người thanh tịnh nhập định, định đến trình độ tương đối, khai ngộ. Khai ngộ là chân tướng của hết thảy sự vật, thấu triệt tất cả. Người khai ngộ, chỉ có thể nói chuyện hợp với người khai ngộ, người ngộ nói với chúng ta, chúng ta cảm thấy lời họ nói rất kỳ lạ, đều không nghe hiểu.

Chẳng hạn như trong Kinh Pháp Hoa Đức Phật nói: “thế gian tướng thường trụ”, chúng ta không hiểu câu nói này, thường trụ là gì? Không có sanh diệt, không có quá khứ, hiện tại, vị lai, không có ba đời. Rõ ràng có hôm qua, có hôm nay, còn có ngày mai, đây chính là ba đời, sao lại nói không có? Rõ ràng chúng ta thấy động vật có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không, sự tướng lưu chuyển, ngày ngày đang biến hóa, sao lại nói không có?

Tất cả mọi sự biến hóa từ đâu đến? Từ tâm tướng sanh. Tâm chúng ta có niệm trước, có niệm sau, niệm niệm tương tục không ngừng, cho nên mới có những hiện tượng bên ngoài. Hiện tượng này từ đâu đến? Hiện tượng này, nói đơn giản là từ tâm sanh diệt, tâm tương tục của chúng ta biến hiện ra, vì thế nó không phải thật. Kinh Kim Cang nói rất hay: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”. Pháp hữu vi không những bao gồm mọi hiện tượng thế gian, còn bao gồm hiện tượng tâm lý. Vì tám thức, 51 tâm sở, 24 bất tương ưng, tất cả đều bao gồm pháp hữu vi trong đó. Đây là Phật nói thật với chúng ta, chúng ta nghe rồi đại hoặc bất giải, đây là nói lời thật với quý vị.

“Kinh minh thất thú nguyên vô”, Kinh Lăng Nghiêm nói thật với chúng ta, “thất thú” là lục đạo thêm vào cõi tiên. Kinh Lăng Nghiêm nói về tướng thế gian rõ ràng hơn các kinh điển khác, trong các kinh điển khác đa phần nói về ngũ thú, lục đạo, Kinh Lăng Nghiêm lại thêm vào cõi tiên. Thất thú, vốn không có, từ đâu đến? Từ trong vọng niệm của mình biến hiện ra, ví như nằm mộng, mộng không có, vốn không có. Vốn không có, vì sao ta ngày ngày nằm mộng? Do ta mê hoặc điên đảo mới xuất hiện hiện tượng này. Ngày nay chúng ta mê mất bốn tánh, chân tâm, vì thế mới có đại mộng này, sanh tử luân hồi là đại mộng.

“Ngũ ma dự thức”, ma là nói ma chướng, có năm loại lớn, năm loại ma chướng lớn này từ đâu mà có? Từ ngũ âm sắc thọ tướng hành thức, bản thân chúng ta đầy đủ ngũ âm, do ngũ âm chiêu cảm năm loại chướng ngại lớn này. Kinh Lăng Nghiêm nói 50 loại âm ma, trong mỗi loại nói ra mười loại. Thật ra không chỉ mười loại, mười loại là quy nạp rất nhiều thành một loại lớn, có 50 loại lớn. Vì có những ma chướng này, nên rất khó minh tâm kiến tánh. Ma chướng từ đâu mà có? Ma chướng vẫn do mình tạo ra. Vì thế ta phải nhận thức nó, nhận thức được nó sẽ không bị chướng ngại, có cũng không sao, có hay không đều không sao. Chẳng hạn như ăn trộm, ta không biết kẻ ăn trộm, đồ vật của chúng ta bị họ trộm đi, bị tổn thất. Nếu kẻ trộm đi vào, mọi người đều biết họ là kẻ trộm, họ tuyệt đối không dám ra tay. Nếu như ra tay, chúng ta biết nhất định do họ làm, cho nên họ tuyệt đối không dám. Ma, không sợ, sợ ta không nhận ra nó. Nhận biết nó, nó không dám gạt ta, cũng không dám chướng ngại ta.

“Lý chương bát tặc, sa ma, tam ma, thiền na, thử chung bát hoại, cố trực mục chi, nhật cứu cánh kiên cố, sở vị Thủ Lăng Nghiêm dã”. “Sa ma” tức là sa ma tha, “tam ma” là tam ma địa, “thiền na”, ba loại này là chân thật. Ba loại định này, thực tế mà nói, là mức độ tâm thanh tịnh bất đồng, mà danh xưng giả thiết. Như tâm chúng ta thanh tịnh, hiện nay ô nhiễm mười phần, chúng ta đoạn trừ hai ba phần, đây gọi là sa ma tha. Có thể đoạn trừ sáu bảy phần, gọi là tam ma địa. Đoạn tận tám chín phần, gọi là thiền na. Đoạn tận cả mười phần, gọi là Thủ Lăng Nghiêm, chính là ý này. Ba loại này đều là định, đều là tâm thanh tịnh, về trình độ có sai biệt. Vì nó đều là tu tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là chân tâm, vì thế nó trước sau không hư hoại. Một phần thanh tịnh liền có một phần công đức, liền có tác dụng một phần. Đến cứu cánh viên mãn, đây chính là Thủ Lăng Nghiêm cứu cánh kiên cố. Ở đây nói, đến sa ma tha, tam ma, thiền na, tất cả đều thuộc cứu cánh kiên cố.

Đại sư Giao Quang lấy diệu viên đại tam định để giải thích, đây là đại sư Giao Quang, ngài có một cuốn chú giải gọi là Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, là chú giải quyền uy trong Kinh Lăng Nghiêm chú sớ. Đại sư Giao Quang người thời nhà Minh, cùng thời đại với đại sư Liên Trì của Tịnh độ tông, ngài cũng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Trong bài tựa của chú giải, vì chú giải của đại sư Giao Quang, không giống với các cách nói của tổ sư đại đức ngày xưa. Ở trước từng nói với chư vị, đương thời đại sư Trí Giả phát minh phương pháp tu hành tam chỉ tam quán. Chư vị cao tăng từ Ấn độ đến Trung quốc tham bái đại sư Trí Giả, thấy đại sư Trí Giả nói về chỉ quán, vô cùng tán thán, nói về tam chỉ tam quán, rất giống phương pháp tu hành trong Kinh Lăng Nghiêm nói, chính là sa ma tha, tam ma, thiền na. Do đó, về sau Lăng Nghiêm truyền đến Trung quốc, chú giải của các nhà đều dùng chỉ quán của Thiên thai để phối hợp với danh từ của ba loại định này. Xem “sa ma tha” như “chỉ” trong tam quán của Thiên thai, “tam ma địa” là “quán” của Thiên thai tông, “thiền na” là “chỉ quán bất nhị”. Hoàn toàn dùng phát minh của đại sư Thiên thai ghép vào Kinh Lăng Nghiêm. Đại sư Giao Quang nói điều này không đúng, “chỉ quán” chỉ có thể nói là tương tự với pháp môn tu hành trong Lăng Nghiêm nói, nhưng không hoàn toàn, vì sao không hoàn toàn? Vì tam chỉ tam quán là dùng thức tâm, là dùng tâm ý thức tu. Đại sư Giao Quang nói, điều này tuyệt đối không phải. Kinh Lăng Nghiêm nói, dùng tánh trong căn để tu, không phải dùng thức tu, đúng là bất đồng quá lớn, đây là đọc hiểu ý nghĩa thật sự của Lăng Nghiêm, đây là tâm đắc của ngài. Khi ngài chú giải kinh này, ngài bị bệnh nặng, thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn vãng sanh. Ngài thấy Phật A Di Đà, liền thưa với Phật A Di Đà, từ xưa đến nay chú giải Kinh Lăng Nghiêm đều chưa phát hiện ra chân thật nghĩa của nó. Nay con muốn viết một chú giải, sau khi chú giải xong con sẽ vãng sanh. Giống như xin phép với Phật A Di Đà, bây giờ con không đi, con phải viết chú giải cho Kinh Lăng Nghiêm, viết chú giải xong con mới vãng sanh. Phật A Di Đà chấp nhận lời

cầu thỉnh của ngài, Phật A Di Đà liền ra đi, ngài cũng lành bệnh. Ngài đã viết chú giải như thế, trong bài tựa ngài nói rất rõ điều này, ngài xin phép Phật A Di Đà. Do đây có thể biết, đại sư Giao Quang là cầu sanh Tịnh độ. Chú thích này của ngài khác với Thiên thai tông, ngài dùng “diệu viên đại”. “Đây là diệu định”, là giải thích Thủ Lăng Nghiêm, Thủ Lăng Nghiêm là “diệu định”.

“Chánh dĩ tánh bản tự chân, thiên nhiên bất động, bất giả tu thành”. Thủ Lăng Nghiêm là tánh định, không phải tu, như Lục tổ đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, đây gọi là tánh định. Tự tánh vốn là như vậy, vì sao bản định mất đi? Thật ra bản định không mất, không hề mất, mà do ta mê mất tự tánh, tự tánh không khởi tác dụng, không làm chủ, không khởi tác dụng.

Điều gì khởi tác dụng? Là mê tình khởi tác dụng. Chư vị phải biết, mê là động, là một tướng động, tánh giác bất động. “Giác” là bất động, “mê” là động. Chúng ta nói tâm động, đó là tâm mê, tâm đâu có động? Chân tâm bất động, vọng tâm động, chúng ta coi mê tình là chân tâm, vậy là nhận sai. Trái lại không biết chân tâm ở đâu, coi mê tình thành chân tâm, đây là phạm phu, đặc biệt là lục đạo phạm phu. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói nhận giác làm con, ta đã nhận sai. Đây là tự tánh, nó không cần tu, đoạn trừ vọng chân liền hiện tiền, chỉ cần đoạn tận vọng mà thôi, đây gọi là diệu định.

“Thử thị viên định, chánh dĩ thử định, bất đản độc thủ, tự tâm bất động, nãi thống vạn pháp vạn sự, giai tất bản lai bất động, vi nhất định thể”. Ở trước có giải thích với quý vị “pháp pháp không ngoài thật tướng”, như Kinh Pháp Hoa nói “thế gian tướng thường trụ”, cũng là giải thích ý này.

Thứ ba, “thử thị đại định, chánh dĩ thử định, tưng tại mê vị, thượng xả bất động”. “Mê vị” là địa vị hiện tại của chúng ta, theo như đây mà nói, ai không có đại định Thủ Lăng Nghiêm? Mỗi người đều có. Chư Phật Như Lai có, tất cả phạm phu đều có, nó là tự tánh. Phật bất động, như như bất động. Chúng ta có động chăng? Chúng ta cũng bất động. Làm sao chứng minh chúng ta bất động? Trong Kinh Lăng Nghiêm có một đoạn kinh văn rất dài, gọi là “mười lần hiển kiến”. Có mười đoạn kinh văn, nói từ các phương diện khác nhau, nói rõ điều gì? Tánh thấy của ta bất động, tánh thấy bất diệt, bất sanh bất diệt, không đến không đi, không có dao động, đây là đại định Lăng Nghiêm. Nhãn thức là sanh diệt, là dao động, không phải thường trụ, tánh thấy bất sanh bất diệt. Trong sáu căn, Đức Phật chỉ ra chúng ta thật sự có bản tánh bất sanh bất diệt.

Đương thời Đức Phật giảng Kinh Lăng Nghiêm, vua Ba tư nặc tham gia pháp hội này, ông nghe xong vô cùng vui thích, mới biết rằng thì ra mình bất sanh bất diệt, hà tất còn tham sống sợ chết? Biết, đây gọi là giải ngộ, sau khi giải ngộ phải tinh tấn tu hành. Nghĩa là đào thải toàn bộ tập khí vọng tưởng, toàn bộ đại dụng tánh đức mới có thể hiện tiền. Nhưng giải ngộ có một lợi ích rất lớn, tín tâm mình kiên cố, tuyệt đối không dao động. Do đó, niệm Phật

vãng sanh thành Phật là vấn đề không còn gì để hoài nghi. Vì sao vậy? Về lý thông đạt. Kinh Lăng Nghiêm có lợi ích lớn nhất đối với người niệm Phật là đây, sau đó phương pháp chính là “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, sao có thể không thành tựu.

“Sau khi khai giải, há có thoái xuất”. Định có xuất định, có nhập định, có xuất định, có thoái chuyển. Duy chỉ có Thủ Lăng Nghiêm là tự tánh bản định, khi mê cũng bất động, khi ngộ làm gì có xuất định nhập định? Không có. Có xuất có nhập đó là tiểu định, đó không phải đại định, đại định thật sự là tự tánh bản định, không có xuất nhập. Gọi là “na già thường tại định, vô hữu bất định thời”, đây là thường định, là bản định.

Đại ý đề kinh giới thiệu đến đây, chúng ta tỉnh lược bói chữ “kinh” ở sau. Ở dưới còn có đề của một chương, không phải chúng ta giảng toàn kinh, là giảng chương này, đoạn này trong kinh.

“Đại Thế Chí niệm Phật viên thông chương”. 25 vị Bồ Tát trong kinh này nói đều gọi là viên thông chương, chương này là Đại Thế Chí Bồ Tát niệm Phật viên thông chương. “Đại Thế Chí là người khai giáo”, “giáo” chính là dạy niệm Phật tu Tịnh độ. 25 vị Bồ Tát, pháp môn phương pháp tu học của mỗi vị không giống nhau, ngài dạy chúng ta chuyên niệm Phật A Di Đà cầu sanh Tịnh độ, sau khi vãng sanh bất thoái thành Phật, ngài dạy chúng ta phương pháp. Cho nên ngài là người khai giáo. “Sơ tổ Tịnh tông”, sơ tổ Tịnh tông là cư sĩ Hạ Liên Cư nói ra, trong Tịnh Tu Tiệp Yếu. Chư vị từng đọc Tịnh Tu Tiệp Yếu, sẽ biết sơ tổ Tịnh tông là Bồ Tát Đại Thế Chí, đây là Cư sĩ Hạ Liên Cư nói, trước đây chưa từng nghe ai nói như vậy. Hạ Liên Cư cho rằng ngài là sơ tổ Tịnh tông, chúng ta thấy rất có đạo lý. Quả thật ngài là sơ tổ Tịnh tông, ở hư không pháp giới đề xướng chuyên tu pháp môn niệm Phật.

Trong tất cả chư vị Bồ Tát, đích thực là Bồ Tát Đại Thế Chí trong kinh nói ngài “và 52 đồng luân”, ở sau sẽ nói đến. “Đồng luân” là người cùng chí hướng, đều là người tu pháp môn này, chính là một câu A Di Đà Phật, từ sơ phát tâm cho đến thành Phật, không hề thay đổi, sau khi thành Phật vẫn niệm Phật A Di Đà. Mười phương thế giới, như ở trước nói 32 ứng, rộng độ tất cả chúng sanh, cũng là dùng pháp môn này, thật sự làm đến chuyên tu chuyên hoằng, vì thế xưng ngài là sơ tổ Tịnh tông, là đúng với sự thật.

“Lấy tâm niệm Phật, nhập vô sanh nhẫn”, vô sanh nhẫn chính là vô sanh pháp nhẫn. Thông thường trong pháp môn đại thừa nói, viên giáo thất địa, bát địa, cửu địa, ba địa vị này là Bồ Tát vô sanh nhẫn. Đây không phải tiểu Bồ Tát, có thể nói là đại Bồ Tát trong đại Bồ Tát, vì sơ địa trở lên đều gọi là đại Bồ Tát. Họ là thất địa, bát địa, cửu địa, cho nên địa vị này rất cao, chỉ dùng một phương pháp đơn giản như vậy, có thể chứng được địa vị rất cao. “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, hai câu này chính là phương pháp niệm Phật.

“Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai, nhập tam ma địa, tự vi đệ nhất”.  
Mấy câu này là nói pháp môn này thật sự thành tựu, chúng ta cần phải chú ý.  
“Bất giả phương tiện” nghĩa là không mượn bất kỳ phương pháp nào giúp đỡ,  
chỉ niệm rôt ráo câu niệm Phật này. Cũng đừng tu thiền, cũng không tu quán,  
không cần bất kỳ pháp môn nào khác. Quý vị thấy đơn giản biết bao, dễ dàng  
biết, chỉ một câu A Di Đà Phật. “Tự đắc tâm khai”, “tâm khai”, hoàn toàn  
tương đồng với “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” trong Thiền tông nói,  
cũng tương đồng với cảnh giới “tam mật tương tức, tức thân thành Phật” trong  
Mật tông. Quý vị xem, những pháp môn phương pháp đó rất khó tu, một câu  
A Di Đà Phật này, không cần nhờ bất kỳ phương pháp nào giúp đỡ, họ nhất  
định đạt đến cảnh giới này, thông thường gọi cảnh giới này là lý nhất tâm bất  
loạn. Nếu chúng ta phân công phu niệm Phật thành ba bậc mà nói, bậc hạ là  
công phu thành phiến, bậc trung gọi là sự nhất tâm bất loạn, bậc thượng là lý  
nhất tâm bất loạn, tự đắc tâm khai là lý nhất tâm bất loạn.

“Nhập tam ma địa”, ở đây nhập tam ma địa tức là chứng được đại định  
Thủ Lăng Nghiêm, là ý này, không phải tam ma địa thông thường, đây là  
chứng được đại định Thủ Lăng Nghiêm. “Tự vi đệ nhất”, trong tất cả các pháp  
môn, pháp môn của Bồ Tát Đại Thế Chí là đệ nhất, thù thắng nhất.

“Hiện ở cảnh giới này với Bồ Tát Quan Thế Âm làm đại lợi lạc”. Bồ Tát  
Đại Thế Chí và Bồ Tát Quan Thế Âm đều ở thế giới Ta Bà, thực tế mà nói,  
hai vị Bồ Tát này, tận hư không biến pháp giới không nơi nào không hiện  
thân. Thế gian chúng ta đối với hai vị Bồ Tát này có rất nhiều người kính  
ngưỡng, làm gì có chuyện Bồ Tát không hiện thân.

“Ư niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả, linh li tam đồ, đắc sanh Tịnh  
độ”. Bồ Tát ở thế gian này, sự nghiệp của họ là giúp người niệm Phật chúng  
ta, dạy chúng ta phương pháp vượt thoát tam giới ngay trong đời này, vĩnh  
thoát luân hồi, vãng sanh Tịnh độ. Bồ Tát ở thế gian này, đối với việc công  
hiến cho thế gian, tức là đối với vấn đề công hiến cho đại chúng, chúng ta  
thường nói Bồ Tát gia hộ cho chúng ta, gia trì cho chúng ta. Đây là những  
danh từ của Phật giáo, rất nhiều người không hiểu. Chúng ta nói sự công hiến  
của Bồ tát đối với chúng ta, hiệp trợ của Bồ Tát đối với chúng ta, điều này  
mọi người dễ hiểu. Đây là giới thiệu đơn giản về Bồ Tát Đại Thế Chí.

Bên dưới là “Niệm Phật”, niệm Phật là phương pháp, cũng là trí tuệ chân  
thật. Không có trí tuệ chân thật, sẽ không biết niệm Phật. Chư vị phải biết,  
đừng thấy thế gian có rất nhiều người thông minh, họ thông minh nhưng  
không có trí tuệ. Thông minh này trong Phật pháp gọi là thế trí biện thông,  
trong Phật pháp nói thế trí biện thông là một trong tám nạn, tám là tám loại,  
tám loại gì? Tám loại khó khăn, tám loại tai họa. Vì sao gọi nó là tai họa? Vì  
nó chướng ngại sự tu học. Chướng ngại ta tu học, nói cách khác, chướng ngại  
ta ra khỏi tam giới, chướng ngại ta liễu sanh tử thoát luân hồi, chướng ngại ta

thành Phật đạo, như vậy sao không gọi là gặp nạn chứ? Người thế gian tự cho mình thông minh không chịu học Phật.

Đây là “tục”, là “sự”, là “tu”, là “hành”, chúng ta nói niệm Phật, nó thuộc về những loại này. Đối với “viên thông” mà nói, niệm Phật là nhân, viên thông là quả. Viên là viên mãn, thông là thông đạt, chỉ có kiến tánh mới có thể viên mãn, thông đạt. Không kiến tánh làm sao viên mãn thông đạt? Viên thông là “cảnh”, trí đối cảnh, tục đối “chân”, viên thông là chân. Sự đối “lý”, tu đối “tánh”, hành đối “tịch”. Cho nên viên thông là chân, là lý, là tánh (bổn tánh). Tịch nghĩa là thanh tịnh tịch diệt, đây là viên thông. Dùng phương pháp niệm Phật đạt đến cảnh giới viên thông, cũng chính là đạt đến mục đích minh tâm kiến tánh.

“Chương”, đây là văn tự, là chương cú, hợp lại là Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. Chương này tuy kinh văn không dài, nhưng hàm nghĩa sâu rộng vô biên.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta dừng tại đây, lần sau chúng ta giảng đến kinh văn.

**Hết tập 2**